

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-3-2021
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 631/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Nguyễn Bích C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn A, huyện A, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Phong, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số 606, ấp B, xã C, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm chị Lê Nguyễn Bích C là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: chị C và anh Phong chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến bất hòa, nguyên nhân là do anh Phong có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài, chị C đã cố gắng khuyên nhủ và tha thứ để vợ chồng chung sống nhưng anh Phong vẫn không thay đổi. Nay chị C nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị C yêu cầu xin ly hôn với anh Phong.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo Vy, sinh ngày 02/3/2008 hiện đang sống với anh Phong. Khi ly hôn chị C đồng ý giao con chung cho anh Phong nuôi dưỡng, chị C không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh Phong đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị C nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:
 - + Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).
 - + Trích lục khai sinh (bản sao).
 - + Giấy CMND và sổ hộ khẩu (Bản photo).
 - + Đơn xác nhận nơi cư trú của chị Lê Nguyễn Bích C (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Nguyễn Bích C có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Thanh Phong. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”*.

Anh Nguyễn Thanh Phong là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở số 606, ấp B, xã C, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Thanh Phong đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phong là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị C, anh Phong chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2007, do đó hôn nhân giữa chị C và anh Phong là hợp pháp. Chị C cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến bất hòa, nguyên nhân là do anh Phong có quan hệ tình cảm với người khác bên ngoài, chị C đã cố gắng khuyên nhủ và tha thứ để vợ chồng chung sống nhưng anh Phong vẫn không thay đổi.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Nguyễn Thanh Phong tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh Phong vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị C. Xét thấy giữa chị C và anh Phong không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh Phong là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị C và anh Phong đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn

cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị C.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo Vy, sinh ngày 02/3/2008 hiện đang sống với anh Phong. Khi ly hôn chị C đồng ý giao con chung cho anh Phong nuôi dưỡng, chị C không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho chị C hay cho anh Phong nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C đồng ý để con chung cho anh Phong được tiếp tục nuôi dưỡng, chị C không cấp dưỡng nuôi con. Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét thấy hiện nay con chung đang sống với anh Phong. Bên cạnh đó, theo văn bản ghi ý kiến của cháu Vy thì cháu Vy có nguyện vọng được sống với anh Phong. Do đó để con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo Vy, sinh ngày 02/3/2008 cho anh Phong được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phong không có yêu cầu.

Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, anh Phong không có ý kiến đối với phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết, anh Phong không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về án phí:*

Chị Lê Nguyễn Bích C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Nguyễn Bích C:

- Về hôn nhân: Chị Lê Nguyễn Bích C được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Phong.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thanh Phong được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo Vy, sinh ngày 02/3/2008. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phong không có yêu cầu.

Chị C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, anh Phong không có ý kiến đối với phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết, anh Phong không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011961 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí chị C đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã C, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phan Thị Nhã Quyên